

Số: 222 /GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với Cơ sở “Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic” tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra cơ

sở ngày 18 tháng 10 năm 2023;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic tại Văn bản số 190/CV.2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 về đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic” tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 191/CV.2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 về giải trình nội dung chỉnh sửa về, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Phiếu trình số 448 /TTr-CCBVMT-KSON ngày 11 tháng 3 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic, tại địa chỉ số 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với “Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic” tại địa chỉ số 1/67 Nguyễn Văn Quá, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 1/67 Nguyễn Văn Quá, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 0300483037, Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 10: ngày 07 tháng 05 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Mã số thuế: 0300483037.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Tổng diện tích đất sử dụng của Cơ sở là 9.434,3 m², tọa lạc tại 1/67 Nguyễn Văn Quá, Khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ theo Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2008 của

Ủy ban nhân dân Thành phố, gồm 3.591,9m²: (thời hạn sử dụng 50 năm, hết hạn ngày 30 tháng 9 năm 2058), 5.250,7m²(thời hạn sử dụng thuê ngắn hạn hàng năm), 591,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 830648 ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công suất: Sản xuất 80 loại dược phẩm và mỹ phẩm với công suất hiện tại khoảng 3.200 tấn sản phẩm/năm (tối đa nhà máy có thể thực hiện được là 3.500 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất thuốc viên: Nguyên liệu (các hoạt chất và tá dược) → Trộn khô (Máy trộn siêu tốc) → Trộn ướt (Máy trộn siêu tốc) → Máy xát hạt → Sấy cốm (Máy sấy tầng sôi) → Sửa hạt (Máy xát hạt) → Trộn hoàn tất (Máy trộn khô) → Dập viên (Máy dập viên) → Ép vỉ (Máy ép vỉ) → Vô hộp → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất thuốc bột: Nguyên liệu (các hoạt chất và tá dược) → Trộn ướt (Máy trộn siêu tốc) → Máy xát hạt → Sấy cốm (Máy sấy tầng sôi) → Sửa hạt (Máy xát hạt) → Trộn hoàn tất (Máy trộn khô) → Vô gói (Máy vô thuốc) → Vô hộp → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất thuốc nước: Nguyên liệu → Hòa tan nguyên liệu (Máy khuấy) → Lọc → Vô thuốc (Máy vô thuốc) → Vô hộp (Máy vô hộp) → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất thuốc kem-thuốc mỡ: Nguyên liệu → Đun nóng pha dầu (Bồn pha chế) → Khuấy phân tán (Bồn pha chế) → Làm mịn (Máy làm mịn) → Vô tuýp (Máy vô tuýp) → Vô hộp → Đóng thùng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan khác.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 12 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- UBND Quận 12;
- UBND phường Đông Hưng Thuận, Quận 12;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT. Châu.06b.

076

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

**PHỤ LỤC 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt quần áo bảo hộ của nhân viên
- Nguồn thải 03: Nước rửa vệ sinh máy móc, thiết bị và vệ sinh chai lọ
- Nguồn thải 04: Nước thải từ kiểm nghiệm.
- Nguồn thải 05: Nước thải từ hệ thống RO.
- Nguồn thải 06: Vệ sinh nhà chứa rác.
- Nguồn thải 07: Nước thải từ vệ sinh bộ lọc của HTXL nước cấp cho cơ sở

Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, màu, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Photpho, Tổng Nito, Chì và Coliforms.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào kênh Tham Lương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Vị trí xả nước thải: Tại khuôn viên công ty tại địa chỉ 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°):
 $X(m) = 1\ 198\ 280$; $Y(m) = 596\ 110$.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và được giám sát trước khi bơm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, sau đó tự chảy vào kênh Tham Lương. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển

báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2 Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_p=0,9$, $K_f=1,1$, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_p=0,9$, $K_f=1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 – 9	03 tháng/lần (theo đề xuất của chủ cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
2	Màu	Pt/Co	148,5		
3	BOD ₅	mg/L	49,5		
4	COD	mg/L	148,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	99		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9,9		
7	Tổng Photpho	mg/L	5,94		
8	Tổng Nito	mg/L	39,6		
9	Chì	mg/L	0,495		
10	Coliforms	MNP/100mL	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom và qua các bể tự hoại có tổng thể tích 166 m³, nước thải giặt đồ bảo hộ (không được xử lý sơ bộ), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa UPVC, đường

kính D114 mm với tổng chiều dài 120m.

- Nước thải sản xuất được thu gom về HTXL nước thải bằng hệ thống đường ống nhựa UPVC, đường kính D200mm với tổng chiều dài 192m và D60 với tổng chiều dài 40m độ dốc 0,1% bố trí dọc theo các tuyến đường và các khu có phát sinh nước thải. Hệ thống được thiết kế theo cơ chế tự chảy (có trang bị dự phòng bơm cưỡng bức) đưa nước thải về khu XLNT 150 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B, Kq=0,9, Kf=1,1 trước khi thải ra Hệ thống thoát nước chung của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Kênh Tham Lương (riêng hệ thống RO và hệ thống lọc có đường ống thu gom nước thải 25m bằng ống uPVC đường kính D60 mm và D49mm nối trực tiếp vào đường ống thu gom nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 08 bể
- Vị trí các bể tự hoại:
 - Vị trí: 02 bể ở nhà vệ sinh phía sau khu vực bảo vệ, 02 bể ở nhà vệ sinh bên ngoài khu vực phân xưởng viên bột và 04 bể ở nhà vệ sinh khu vực cạnh khu vực Phòng Kiểm tra chất lượng.
- Công suất thiết kế: thể tích mỗi bể tự hoại 20,8 m³.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nước thải sinh hoạt → bể tự hoại + nước giặt đồ bảo hộ + nước thải sản xuất) → bể thu gom → Bồn trung hòa → Bể điều hòa → Cụm hóa lý → Bể đệm → bể hiếu khí → bể lắng → bể trung gian → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer và Chlorine.
- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có công trình ứng phó sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố:




- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung duy trì bùn hoạt tính vào bể sinh học hiếu khí nhằm duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật; bổ sung hóa chất khử trùng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các hố ga thì dừng sản xuất của toàn bộ cơ sở để tiến hành khắc phục.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra và giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý để sớm phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp gặp sự cố:

- Phải lập tức báo cáo tới cấp trên khi có các sự cố xảy ra.




- Tiến hành giải quyết các sự cố kịp thời.
- Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống XLNT.
- Trong trường hợp không sửa chữa được thì thuê đơn vị có chức năng đến sửa chữa trong thời gian sớm nhất.
- Chủ cơ sở cam kết không xả nước thải ra môi trường khi trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố không đảm bảo chất lượng nước thải trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; xả thải đúng quy định; xây dựng hồ ga đầu nổi nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.





PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT – CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải 01: Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất tại phân xưởng viên bột, 4 ống thải, mỗi ống lưu lưu lượng $2.142\text{m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 02: Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất thuốc nước, 3 ống thải, lưu lượng mỗi ống $3.200\text{m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 03: Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất thuốc kem mỡ, 1 ống thải, lưu lượng $3.200\text{m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 04: Bụi, khí thải từ tủ hút hoá chất phòng pha mẫu của khu vực kiểm nghiệm, 1 ống thải lưu lượng $394\text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 05: Bụi, khí thải từ tủ hút hoá chất phòng độ hoà tan và tủ chứa hóa chất của khu vực kiểm nghiệm , lưu lượng $394\text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 06: Bụi, khí thải từ phòng kiểm nghiệm vi sinh, lưu lượng $1.800\text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Nguồn thải 07: Bụi, khí thải từ Khu cân cấp phát và lấy mẫu kho Nguyên liệu bao bì, lưu lượng $3.200\text{ m}^3/\text{giờ}$.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả thải: trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic tại 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ phân xưởng viên bột, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197880,10$, $Y = 595971,50$;
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ phòng sản xuất thuốc nước, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197872,00$; $Y = 595962,39$;
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ sản xuất thuốc kem mỡ, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197868,03$; $Y = 595969,53$;

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ các tay hút của phòng pha mẫu tại Khu vực kiểm nghiệm, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197882,15$; $Y = 595977,22$;

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ tủ hút hóa chất phòng pha mẫu của Khu vực kiểm nghiệm, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197883,76$; $Y = 595990,04$;

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ phòng Vệ sinh của Khu vực kiểm nghiệm, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197885,26$; $Y = 595972,42$;

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ Kho nguyên liệu bao bì, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197875,00$; $Y = 595992,81$.

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B $K_p = 1$, $K_v = 0,8$, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tuần suất quan trắc định kỳ	Tuần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng thải	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	120		
3	SO_2	mg/Nm^3	300		
4	NO_2	mg/Nm^3	510		
5	CO	mg/Nm^3	600		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ phân xưởng viên bột;

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ phòng sản xuất thuốc nước;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ sản xuất thuốc kem mỡ;
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ các tay hút của phòng pha mẫu tại Khu vực kiểm nghiệm.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ tủ hút hóa chất phòng pha mẫu của Khu vực kiểm nghiệm.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ phòng Vi sinh của Khu vực kiểm nghiệm.
- Nguồn khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát khí thải từ Kho nguyên liệu bao bì, tọa độ vị trí xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống thoát khí số 1-3, 6-7: Không khí → Hệ thống thông gió và lọc bụi cho khu vực sản xuất (hệ thống HVAC) → ống thoát khí.
- Hệ thống thoát khí số 4-5: Khí thải → hệ thống xử lý mùi, khí thải → ống thoát khí. Ống khói vật liệu cấu tạo PVC dày 2mm; đường kính Ø350mm; chiều cao ống khói 4m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống hút khí, đường ống dẫn khí và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.
- Kiểm định, hiệu chuẩn thường xuyên máy móc thiết bị sản xuất, đảm bảo hoạt động đúng công suất đã đăng ký.
- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời (như đường ống, van,...).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.





PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

((Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT – CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường))

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ máy phát điện dự phòng 250 kVA;
- Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng 250 kVA;
- Nguồn số 03: từ máy phát điện dự phòng 390 kVA;
- Nguồn số 04: từ máy phát điện dự phòng 390 kVA;
- Nguồn số 05: từ khu vực xử lý nước thải;
- Nguồn số 06: từ nhà để xe.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X = 1197885,10, Y = 595999,59;
- Nguồn số 02: X = 1197882,40, Y = 595992,67;
- Nguồn số 03: X = 1197783,68, Y = 595971,47;
- Nguồn số 04: X = 1197789,91, Y = 595973,95;
- Nguồn số 05: X = 1197870,00, Y = 595952,39;
- Nguồn số 06: X = 1197996,77, Y = 595982,34.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	----------------------------	----------------------------	----------------------------	---------

1	70	60	Không	Khu vực thông thường
---	----	----	-------	----------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công nghệ sản xuất của cơ sở theo dây chuyền sản xuất khép kín hiện đại nên độ ồn không quá lớn tới mức gây ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân làm việc trong dự án.
- Máy phát điện dự phòng đặt trong phòng kín, cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị các bộ tiêu âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt hút mùi của Cơ sở.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Cơ sở.
- Trồng cây xanh (cây bóng mát như: bằng lăng, phượng, cọ,...) và thảm cỏ góp phần giảm thiểu lan truyền bụi, tiếng ồn, bảo vệ môi trường, làm đẹp khuôn viên dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

**PHỤ LỤC 4**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT – CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng tối đa (kg/năm)
1	Bao bì mềm	18 01 01	Rắn	NH	50
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Rắn	NH	0
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	NH	0
4	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	NH	10
5	Giẻ lau thải, vật liệu lọc, Chất hấp thụ	18 02 01	Rắn	KS	50
6	Bùn thải	03 05 08	Rắn	KS	0
7	Hóa chất thải	13 01 02	Rắn	NH	3500
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	KS	1
9	Dược phẩm thải	13 01 03	Lỏng	KS	1.500
10	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	NH	150
Tổng khối lượng					5.211

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	20
Tổng khối lượng		20

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt thông thường	7,15	85,8
Tổng khối lượng		7,15	85,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa bằng HDPE có nắp đậy; bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 7m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mặt sàn bằng bê tông bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; có tường bao quanh; có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: chất thải được lưu chứa trong các bao tải, sau đó vận chuyển đến khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 9 m² (bên cạnh đó còn xây dựng kho chứa bùn 6,2m²)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có tường tôn, mái che; nền bê tông với cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có dán biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các loại thùng nhựa bằng HDPE có nắp đậy.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích điểm tập kết: 7 m².

- Thiết kế, cấu tạo của điểm tập kết: bố trí các thùng chứa có nắp đậy chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu văn phòng, nhà vệ sinh, hành lang và xung quanh nhà xưởng. Cuối ngày, toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom từ các thùng chứa về điểm tập kết và được chuyển giao hàng ngày cho đơn vị có chức năng. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt được đặt trên nền bê tông bằng phẳng đặt phía trước cơ sở, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý. Điểm tập kết hoạt động trong thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau và có đèn chiếu sáng. Cơ sở thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống thu gom bụi, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.




**PHỤ LỤC 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222/GPMT-STNMT – CCBVMT ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành toàn bộ hạng mục, công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 192/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic” tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./

